

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN HỢP NHẤT TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NHÀ NGÀNH: NGÀNH NGÂN HÀNG
NGÀNH: TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG
CHUYÊN NGÀNH: TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG
MÃ SỐ : 60 34 02 01

PHỤ LỤC I THI U CHUNG VÀ CHUNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu thông tin và chuyên ngành đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Tài chính - Ngân hàng
 - + Tiếng Anh: Finance - Banking
- Mã số chuyên ngành đào tạo: 60340201
- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Tài chính - Ngân hàng
 - + Tiếng Anh: Finance - Banking
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Tên văn bản quy định:
 - + Tiếng Việt: Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng
 - + Tiếng Anh: The Degree of Master in Finance - Banking
- Nội dung đào tạo: Tr�ng i h c Kinh t , i h c Qu c gia Hà N i

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng nhà trường cung cấp cho người học *kiến thức lý thuyết nền tảng* trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng để tiếp tục chương trình Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng nhà trường nghiên cứu; tuy nhiên, tập trung hơn vào *thực hành nghiệp vụ và rèn luyện kỹ năng xử lý các tình huống thực tiễn* trong công việc; *khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và hiệu quả*.

Bên cạnh đó, với kiến thức và các phẩm chất được trang bị sau khi tốt nghiệp, học viên có năng lực đi vào hành và thực tiễn các hoạt động kinh doanh của các ngân hàng, các tổ chức tài chính và tổ chức xã hội khác.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh

- Thi tuyển với các môn thi sau đây:
 - + Môn thi Cơ bản: Toán Kinh tế
 - + Môn thi Cơ sở: Kinh tế học
 - + Môn Ngoại ngữ: Tiếng Anh.

3.2. Hình thức thi tuyển sinh

3.2.1. Hình thức thi tuyển sinh

- Có bằng tốt nghiệp chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng hoặc chuyên ngành Kinh tế có chuyên ngành chuyên ngành/chuyên sâu về Tài chính – Ngân hàng;
- Có bằng tốt nghiệp chuyên ngành chính quy ngành kinh tế về ngành Tài chính – Ngân hàng và có chứng chỉ bổ sung kiến thức về chương trình 5 học phần (15 tín chỉ);
- Có bằng tốt nghiệp chuyên ngành không chính quy ngành kinh tế về ngành Tài chính – Ngân hàng và có chứng chỉ bổ sung kiến thức về chương trình 9 học phần (27 tín chỉ).

3.2.2. Hình thức thi tuyển sinh

- Ứng viên có bằng tốt nghiệp loại khá trở lên và không thuộc diện phải bổ sung kiến thức cần thi ngay;
- Ứng viên có bằng tốt nghiệp loại khá hoặc thuộc diện phải bổ sung kiến thức thì phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực ứng cử thi.

3.3. Danh mục các ngành phù hợp, ngành g n

- Danh mục các ngành phù hợp: Kinh tế (có chuyên ngành chuyên ngành/chuyên sâu về Tài chính – Ngân hàng);
- Danh mục các ngành g n: Kinh tế (không có chuyên ngành chuyên ngành/chuyên sâu về Tài chính – Ngân hàng); Quản trị Kinh doanh; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; Bán hàng; Marketing; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Bảo hiểm; Kinh tế quốc tế; Kế toán; Kế toán, Quản trị nhân lực.

3.4. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

- Đối với hình thức có bằng tốt nghiệp chuyên ngành chính quy ngành Tài chính – Ngân hàng, danh mục các học phần bổ sung kiến thức gồm 5 học phần (15 tín chỉ):

+ Kinh tế vi mô (3 tín chỉ)

- + Kinh tế vi mô (3 tín chỉ)
 - + Kinh tế học tiền tệ - ngân hàng (3 tín chỉ)
 - + Quản trị ngân hàng thương mại (3 tín chỉ)
 - + Tài chính doanh nghiệp 1 (3 tín chỉ)
- Nội dung cốt lõi có bản chất nghiệp vụ nhưng không chính quy ngành giáo dục và đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng, danh mục các học phần bổ sung kiến thức 9 học phần (27 tín chỉ):

- + Kinh tế vi mô (3 tín chỉ)
- + Kinh tế vĩ mô (3 tín chỉ)
- + Kinh tế học tiền tệ - ngân hàng (3 tín chỉ)
- + Quản trị ngân hàng thương mại (3 tín chỉ)
- + Tài chính doanh nghiệp 1 (3 tín chỉ)
- + Luật tài chính (3 tín chỉ)
- + Nguyên lý kế toán (3 tín chỉ)
- + Nguyên lý marketing (3 tín chỉ)
- + Tín dụng ngân hàng (3 tín chỉ)

3.5. D Kiến quy mô tuyển sinh

- Theo kế hoạch hàng năm của Trường Đại học Kinh tế, HQGHN.

1. Chuẩn kiến thức chuyên môn, năng lực chuyên môn

1.1. Kiến thức chuyên môn

Làm chủ kiến thức chuyên ngành, có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng; có thể duy trì bền vững; có kiến thức lý thuyết chuyên sâu có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu trình độ cao; có kiến thức tổng hợp về pháp luật, quản lý và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực tài chính – ngân hàng.

1.1.1. Kiến thức cơ sở

Nắm vững kiến thức tổng hợp về tài chính - ngân hàng nhằm đáp ứng cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành và nâng cao trình độ học tập.

1.1.2. Kiến thức chuyên ngành

- Hiểu, phân tích và luận giải các kiến thức chuyên ngành chuyên sâu về tài chính, ngân hàng như tài trợ, xuất nhập khẩu, quản trị rủi ro trong các nghiệp vụ tài chính, các quy định pháp luật và mua bán, quản trị ngân hàng...

- Vận dụng linh hoạt các kiến thức chuyên ngành trong bối cảnh kinh tế và mô hình kinh tế, có thể đưa ra các quy định phù hợp trong ngành/nền kinh tế hoặc đưa ra các quy định phù hợp cho các doanh nghiệp, ngân hàng và các nghiệp vụ tài chính khác.

- Ứng dụng kiến thức thực tế và thực tiễn trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng hoàn thiện và nâng cao nghiệp vụ thực tiễn về đào tạo.

1.1.3. Yêu cầu kỹ năng

- Trên cơ sở vận dụng các vấn đề lý thuyết, luận văn phải phát hiện và tập trung giải quyết các **chủ đề trọng tâm và vấn đề thực tiễn**. Đồng thời, xuất các giải pháp hoặc kiến nghị giúp giải quyết vấn đề đã nêu ra. Các giải pháp phải có tính quan tâm đến cá nhân các thành viên và có tính khả thi.

1.2. Năng lực chuyên môn

- Trình bày các chỉ số quản lý và danh mục đầu tư; xây dựng các kế hoạch mua bán và sáp nhập; thiết lập các quy trình quản trị rủi ro tài chính cho doanh nghiệp, ngân hàng và các nghiệp vụ tài chính khác.

- Trình bày các vấn đề quản trị nguồn vốn, quản trị tài sản – nợ, quản trị thanh khoản, quản trị danh mục đầu tư trong doanh nghiệp, ngân hàng và các nghiệp vụ tài chính.

- Am hiểu các văn tài chính ngân hàng và dài hạn của doanh nghiệp, ngân hàng và các lĩnh vực tài chính khác; ứng dụng các kiến thức chuyên môn hiện tại một cách có hiệu quả để quy tụ các văn tài chính phát sinh.

- Trình bày các văn hoạt động ngân hàng quốc tế như thanh toán tài chính và thanh toán quốc tế, hoạt động xuất nhập khẩu, các tổ chức giám sát hoạt động ngân hàng và tài chính quốc tế.

- Phát hiện và phân tích các văn vụ thu, chỉ tiêu chính phủ và hoạch định ngân sách nhà nước.

- Lên kế hoạch và trình bày các hiện các nghiệp vụ thu của lĩnh vực tài chính - ngân hàng trong phạm vi công việc mình làm.

1.3. Trình độ ngoại ngữ

- Chuẩn trình độ ngoại ngữ của các ngành trình độ tốt nghiệp chuyên ngành tài chính - ngân hàng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Tài chính - ngân hàng cho Việt Nam.

- Có khả năng ngoại ngữ để có thể hiểu các thông tin báo cáo hay bài phát biểu về những vấn đề trong công việc liên quan đến ngành tài chính - ngân hàng; có thể diễn đạt bằng ngoại ngữ trong những tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết báo cáo liên quan đến công việc chuyên môn; có thể trình bày rõ ràng các ý kiến và phân bổ nhiệm vụ cho những người khác;

1.4. Năng lực chuyên môn và trách nhiệm

- Có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ để đảm bảo hoạt động trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ công việc; có khả năng tự học hỏi, thích nghi với môi trường cạnh tranh.

- Tích cực, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ hoàn thành tốt các nhiệm vụ công việc.

- Có khả năng đưa ra kết luận về các văn chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số văn phức tạp nảy sinh trong thực tiễn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

- Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể

- Có năng lực đánh giá và cải thiện các hoạt động chuyên môn trong tổ chức.

2. Chuẩn kỹ năng

2.1. Kiến thức nghiệp vụ

- Có khả năng hoạch định và thực thi các chính sách, chỉ tiêu và dự án trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.
- Vận dụng linh hoạt và sáng tạo các kỹ năng và kiến thức vào thực tiễn, có năng lực sáng tạo, phát triển trong nghiệp vụ.
- Kiến thức tạo thói quen yêu cầu đạt các chỉ tiêu công tác.

2.2. Kỹ năng

- Có khả năng làm việc cá nhân, nhóm, sáng tạo.
- Có khả năng phối hợp, làm việc nhóm, công tác chia sẻ hoàn thành nhiệm vụ.
- Có kỹ năng quản lý và lãnh đạo.
- Có kỹ năng giao tiếp tốt.
- Có thể giao tiếp bằng tiếng Anh, sử dụng tiếng Anh chuyên ngành phục vụ công tác chuyên môn với trình độ thi tốt nghiệp Chuẩn B1 của Khung tham chiếu Châu Âu (điểm thi tiếng Anh: tốt nghiệp 4.5 IELTS, hoặc 477 TOEFL).
- Có thể sử dụng thành thạo các phần mềm tin học phục vụ công tác chuyên môn (Excel, EViews, SPSS...).

3. Chuẩn phẩm chất đạo đức

3.1. Trách nhiệm công dân

- Tôn trọng pháp luật, có lối sống tích cực, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng.

3.2. Đạo đức, ý thức cá nhân, đạo đức nghiệp vụ, thái độ phục vụ

- Phẩm chất đạo đức cá nhân: Có ý thức trách nhiệm trong công việc; tận tâm, sáng tạo; tinh thần hợp tác và thái độ phục vụ tốt.
- Phẩm chất đạo đức nghiệp vụ: Trung thực, cần thận, đáng tin cậy, tuân thủ kỷ luật cá nhân, tác phong làm việc chuyên nghiệp.

3.3. Thái độ tích cực, yêu nghề

- Có ý thức phát triển nghiệp vụ, có ý thức chấp hành tất cả các chỉ tiêu, chính sách và quy định tài chính.
- Có ý thức xây dựng hình ảnh đẹp về cán bộ tài chính - ngân hàng.

4. Vị trí việc làm mà học viên có thể tìm kiếm sau khi tốt nghiệp

Nhóm 1 – Cán bộ quản lý cấp trung, trưởng phòng bộ phận trách nhiệm tài chính - kế toán làm việc tại các doanh nghiệp, các nhà tài chính (công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm, quỹ đầu tư ...), các cơ quan nhà nước và các tổ chức khác.

Nhóm 2 – Cán bộ quản lý cấp trung, trưởng nhóm phân tích và tư vấn tài chính làm việc tại các doanh nghiệp, các nhà tài chính (công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm, quỹ đầu tư ...), các cơ quan nhà nước và các tổ chức khác.

5. Kỹ năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Sau khi tốt nghiệp, học viên có thể tiếp tục học tập nâng cao trình độ bậc học cao hơn.

6. Các chương trình, tài liệu chủ yếu mà bạn vào tham khảo

- Chương trình Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng nhà nước sẽ tham khảo chương trình của trường Wharton, Mỹ. Các học phần của chương trình của trường Wharton có thể tìm thấy trên website <http://www.wharton.upenn.edu/>

Khung chương trình Thạc sĩ của Wharton School of Business - Pennsylvania University, M	
COURSE DESCRIPTIONS	Số tín chỉ
FNCE603 - Basics of Finance	03
FNCE604 - Preparation Course for the Corporate Finance	03
FNCE611 - Corporate Finance	03
FNCE612 - Accelerated Corp Finance	03
FNCE613 - Macroeconomics and the Global Economic Environment	03
FNCE614 - Corporate Finance (Half CU)	03
FNCE615 – Macroeconomics and the Global Economic Environment (Half CU)	03
FNCE717 - Financial Derivatives	03
FNCE719 - International Financial Markets	03
FNCE719 - International Financial Markets	03
FNCE720 - Investment Management	03
FNCE721 - Real Estate Investment: Analysis and Financing	03
FNCE725 - Fixed Income Securities	03
FNCE726 - Advanced Corporate Finance	03

Khung chương trình Thạc sĩ của Wharton School of Business - Pennsylvania University, M	
FNCE730 - Urban Fiscal Policy	03
FNCE731 - International Corporate Finance	03
FNCE732 - International Banking	03
FNCE738 - Capital Markets - formerly Funding Investments	03
FNCE739 - Behavioral Finance	03
FNCE750 - Venture Capital and the Finance of Innovation	03
FNCE751 - The Finance of Buyouts and Acquisitions	03
FNCE754 – Impact Investing	03
FNCE756 – Finance Energy	03
FNCE890 - Advanced Study Project in Finance	03
FNCE892 - Financial Engineering	03
FNCE893 - Global Monetary and Financial Institutions: Theory and Practice	03
FNCE894 - Managing Fixed Income Portfolios	03
FNCE895 - Private Equity.	03
FNCE896 - Finance in Europe	03
FNCE897 – Finance in the Middle East and North Africa	03

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

- Tổng số tín chỉ: **64 tín chỉ, trong đó:**
- Khái niệm chung: *8 tín chỉ*
- Khái niệm cơ sở và chuyên ngành: **47 tín chỉ**
- + *Bắt buộc*: *26 tín chỉ*
- + *Tự chọn*: *21 tín chỉ / 47 tín chỉ*
- Luận văn: **9 tín chỉ**

2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Khái niệm chung		8				
1	PHI 5002	Tri thức Philosophy	4	60	0	0	
2	ENG 5001	Tiếng Anh cơ bản (*) <i>English for General Purposes</i>	4	40	20	0	
II	Khái niệm cơ sở và chuyên ngành		47				
II.1	Các học phần bắt buộc		26				
3	FIB 6001	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính: Lý thuyết và thực tiễn <i>Money, Banking and Financial Markets: Theory and Practice</i>	3	30	15	0	
4	FIB 6002	Quản trị ngân hàng thương mại nâng cao <i>Advanced Commercial Bank Management</i>	3	30	15	0	FIB 6003
5	FIB 6032	Ngân hàng quốc tế nâng cao <i>Advanced International Banking</i>	3	30	15	0	FIB 6002
6	FIB 6040	Tài chính cá nhân <i>Personal Finance</i>	3	30	15	0	
7	FIB 6004	Phân tích đầu tư và quản trị danh mục đầu tư <i>Investment Analysis and</i>	3	30	15	0	

TT	Mã h c ph n	Tên h c ph n	S tín ch	S gi tín ch			Mã s các h c ph n tiên quy t
				Lý thuy t	Th c hành	T h c	
		<i>Portfolio Management</i>					
8	FIB 6003	Tài chính doanh nghi p nâng cao <i>Advanced Corporate Finance</i>	3	30	15	0	
9	FIB6037	Tài chính công nâng cao <i>Advanced Public Finance</i>	3	30	15	0	FIB 6001
10	INE 6001	Thi t k nghiên c u lu n v n <i>Dissertation Research Design</i>	2	20	10	0	
11	FIB 6039	Th c t p th c t <i>Internship</i>	3	0	45	0	
II.2	<i>Các h c ph n t ch n</i>		<i>21/ 47</i>				
12	FIB 6029	Qu n tr tài chính ng n h n <i>Short- term Finance Management</i>	3	30	15	0	FIB 6003
13	FIB 6012	Phân tích u t b t ng s n <i>Real Estate Investment Analysis</i>	2	20	10	0	
14	FIB 6115	Phân tích tài chính nâng cao <i>Advanced Financial Analysis</i>	3	30	15	0	FIB 6003
15	FIB 6035	Qu n tr r i ro trong các t ch c tài chính <i>Risk management in financial Institutions</i>	3	30	15	0	
16	FIB 6103	Tài chính phát tri n <i>Development Finance</i>	3	30	15	0	
17	FIB 6010	Tài chính doanh nghi p qu c t <i>International Corporate Finance</i>	2	20	10	0	
18	FIB 6101	Thu qu c t <i>International Tax</i>	3	30	15	0	
19	FIB 6031	Giám sát h th ng tài chính <i>Monitoring the financial system</i>	2	20	10	0	

TT	Mã h c ph n	Tên h c ph n	S tín ch	S gi tín ch			Mã s các h c ph n tiên quy t
				Lý thuy t	Th c hành	T h c	
20	FIB 6005	Các công c có thu nh p c nh <i>Fixed Income</i>	3	30	15	0	
21	FIB 6014	Các công c phái sinh <i>Derivatives</i>	2	20	10	0	
22	FIB 6038	Tài chính sáp nh p và mua l i nâng cao <i>Advanced Finance for Buyouts and Acquisitions</i>	2	20	10	0	
23	FIB 6008	K toán qu n tr nâng cao <i>Advanced Management Accounting</i>	3	30	15	0	
24	FIB 6007	K toán tài chính nâng cao <i>Advanced Financial Accounting</i>	3	30	15	0	
25	FIB 6030	Ngân hàng i n t E - banking	2	20	10	0	FIB 6002
26	FIB 6034	D ch v ngân hàng u tiên <i>Priority Banking Services</i>	2	20	10	0	
27	BSA 6005	Qu n tr Marketing nâng cao <i>Advanced Marketing Management</i>	3	30	15	0	
28	BSA 6004	Qu n tr chi n l c nâng cao <i>Advanced Strategic Management</i>	3	30	15	0	
29	FIB 6016	Kinh t h c qu n lý <i>Managerial Economics</i>	3	30	15	0	
III	FIB 7210	Lu n v n th c s	9				
T ng c ng:			64				

Ghi chú: (*) H c ph n Tiếng Anh c b n là h c ph n i u ki n, có kh i l ng 4 tín ch, c t ch c ào t o chung trong toàn HQGHN cho các h c viên có nhu c u và c ánh giá theo Khung n ng l c ngo i ng 6 b c dùng cho Vi t Nam ho c t ng ng. K t qu ánh giá h c ph n Tiếng Anh không tính trong i m trung bình chung tích l y nh ng v n tính vào t ng s tín ch c a ch ng trình ào t o.